

## BANKING TARIFF

### APPLICABLE TO ACCOUNT AND REMITTANCE SERVICES

Effective from 01 Jan 2025 until further notice

**Notes:**

- The fee and charges are subject to VAT of 10% (unless expressly stated as “not subject to VAT” in the particular fees or charges below).
- Services not listed herein could be provided at Customer's request.
- Incidental charges such as facsimile, cable charges, correspondent charges, etc. will be additionally collected upon the agreement between the Bank and the Customer.
- If a charge is denominated in foreign currency in the bank tariff but the Bank accepts to collect such charge in Vietnamese Dong or other foreign currencies, the Bank, at its sole discretion, can apply the spot selling rate published by the Bank on any of these dates:
  - the receiving date of the Customer's application; or
  - the date on which the transaction is booked into the internal system of the Bank; or
  - the value date of the transaction to calculate the equivalent amount of the charge.
- The charges shall be collected on the value date of the transaction, unless expressly stated otherwise in this bank tariff. The charges or fees listed in Item A, B and C of this bank tariff will be collected per transaction, and charges listed in Item D of the bank tariff will be collected in a lump sum per month.

TYPE OF SERVICES	FEE	
<b>A. ACCOUNT SERVICES</b>		
<b>A1. GENERAL ACCOUNT SERVICE</b>		
<b>Account Opening / Closing</b>	Free	
<b>Monthly Statement / Advice</b>		
Deliver at Counter / By mail inside Vietnam	Free	
By mail outside Vietnam	VND105,000/ mail	
<b>Duplicate of Statement / Advice</b>	VND105,000	
<b>Audit Confirmation</b>		
Online Request inside Vietnam	VND150,000	
Online Request outside Vietnam	VND150,000	
Paper Request inside Vietnam	VND500,000	
Paper Request outside Vietnam	VND500,000 + Additional Postage Charge VND630,000	
<b>Balance &amp; Other Certificates</b>	VND210,000	
<b>Standing order (Subject to prior consent of the Bank)</b>		
Establishment	VND210,000	
Amendment	VND210,000	
<b>A2. ACCOUNT MAINTENANCE FEE</b>		
<b>Requirement on Account Balance</b>		
	<b>Minimum Average Balance</b>	<b>Threshold Balance for Account Closure</b>
USD	USD10,000	USD25
JPY	JPY1,000,000	JPY2,750
VND	VND100,000,000	VND575,000
<b>Monthly Account Maintenance Fee</b>		
USD		USD25
JPY		JPY2,750
VND		VND575,000
<b>B. INWARD REMITTANCE</b>		
<b>B1. DOMESTIC INWARD (from Bank inside Vietnam)</b>	<b>Free</b>	
<b>B2. OVERSEAS INWARD (Fee collected in USD or equivalent in other currencies)</b>		
<i>(Charge Sender/ Beneficiary)</i>		
From MUFG Bank network	0.1% (min USD10, max USD200)	

TYPE OF SERVICES	FEE
From non-MUFG Bank network	0.2% (min USD10, max USD200)
Credit to account with another bank	Charge of outward domestic remittance to be added
Correspondent Commission	Actual fee to be claimed
Cancellation/ Stop Payment	USD20+ Cable charge USD20
Inquiry	USD10/inquiry + Cable charge USD10/inquiry

### C. OUTWARD REMITTANCE

#### C1. DOMESTIC OUTWARD (fee collected in VND)

##### Ordinary Remittance

Application channel	Amount	
Paper Based	Low value < VND500,000,000	VND500,000
Paper Based	High value >= VND500,000,000	0.2% (max VND1,500,000)
Via GCMS+	Low value < VND500,000,000	VND25,000
Via GCMS+	High value >= VND500,000,000	0.12% (max VND900,000)
To MUFG Bank's network		Free

##### Special Remittance

<b>2D Barcode Remittance</b>	Fee collected as ordinary remittance – Paper Based
<b>Payment through Group Confidential Payment</b>	
Salary/ Confidential	VND18,000/ transaction
Group payment	VND48,000/ transaction
<b>Vietinbank payroll (to Vietinbank ATM's account)</b>	VND4,000/ transaction
<b>Tax payment</b>	
Application submitted in paper	Fee collected as ordinary remittance – Paper Based
Application applied as an ordinary remittance via GCMS+ with tax information inputted in remark field	Fee collected as ordinary remittance – Paper Based
Application applied via GCMS+, but tax receipt submitted in paper based.	Fee collected as ordinary remittance – Paper Based
E-Tax payment	Fee collected as ordinary remittance – Via GCMS+
<b>Other fees</b>	
Cancellation / Stop payment	VND200,000
Re-transfer of refunded item	Fee collected as new remittance
Amendment of delivered remittance	VND40,000

#### C2. OVERSEAS OUTWARD (fee collected in USD or equivalent in other currencies)

Paper Based	0.2% (min USD35, max USD200) + cable charge USD20
Via GCMS+	0.1% (min USD10, max USD100) + cable charge USD20
Correspondent Commission	Actual Fee to be claimed (Not subject to VAT)
Cancellation/ Stop payment	USD30 + Cable charge USD10 + Correspondent charge if any
Amendment	USD10 + Cable charge USD10

### D. CASH MANAGEMENT SERVICES

#### Global Cash Management Service (GCMS Plus/ GCMS+)

Start-up	Free
Monthly subscription:	VND300,000 / month
<b>MT940 Transmission Service</b>	VND1,050,000/ month
<b>Virtual account</b>	
Initial fee	VND2,100,000
Fixed fee (monthly)	VND1,050,000
Fee per use (monthly)	VND2,100,000/ account or VND10,500/lend account

**BIỂU PHÍ NGÂN HÀNG**  
**ÁP DỤNG CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI KHOẢN VÀ CHUYỂN TIỀN**  
Hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày có thông báo mới

**Lưu ý:**

- Các mức phí này chưa bao gồm 10% thuế GTGT (trừ các trường hợp được ghi rõ "Không chịu thuế GTGT" trong các mức phí quy định dưới đây)
- Đối với các dịch vụ không được liệt kê ở biểu phí này, phí dịch vụ sẽ được Ngân Hàng cung cấp theo yêu cầu của Khách Hàng
- Các phí khác như phí fax, điện phí, phí ngân hàng trung gian, .... sẽ được thu thêm nếu có phát sinh dựa theo thỏa thuận giữa Ngân Hàng và Khách Hàng
- Nếu một khoản phí được định giá bằng ngoại tệ trong biểu phí này nhưng Ngân Hàng chấp nhận thu khoản phí đó bằng VND hoặc ngoại tệ khác, Ngân Hàng, với toàn quyền quyết định của mình, có thể áp dụng tỷ giá bán giao ngay mà Ngân Hàng công bố vào một trong những ngày sau đây: (i) ngày Ngân Hàng nhận được lệnh của Khách Hàng; hoặc (ii) ngày mà giao dịch được đăng ký vào hệ thống nội bộ của Ngân Hàng; hoặc (iii) ngày hiệu lực của giao dịch để tính mức phí tương đương
- Phí Ngân Hàng sẽ được thu vào ngày hiệu lực của giao dịch, ngoại trừ được quy định khác trong biểu phí này. Các khoản phí Ngân Hàng liệt kê tại mục A, B và C của biểu phí này sẽ được thu theo từng giao dịch và các khoản phí nêu tại mục D của biểu phí này sẽ được thu trọn gói một lần theo tháng.

LOẠI GIAO DỊCH	PHÍ NGÂN HÀNG	
<b>A. DỊCH VỤ TÀI KHOẢN</b>		
<b>A1. DỊCH VỤ CHUNG VỀ TÀI KHOẢN</b>		
<b>Đóng / Mở Tài khoản</b>	Miễn phí	
<b>Sao kê tháng / Chứng từ</b>		
Giao tại quầy giao dịch / Bằng thư đi trong nước	Miễn phí	
Bằng thư đi nước ngoài	105.000 VND / thư	
<b>Cấp phó bản sao kê tháng / chứng từ</b>	105.000 VND	
<b>Xác nhận kiểm toán</b>		
Yêu cầu trực tuyến trong nước	150.000 VND	
Yêu cầu trực tuyến ngoài nước	150.000 VND	
Yêu cầu giấy trong nước	500.000 VND	
Yêu cầu giấy ngoài nước	500.000 VND + Bưu phí thu thêm VND 630.000	
<b>Xác nhận số dư &amp; các Xác nhận khác</b>	210.000 VND	
<b>Lệnh thanh toán định kỳ (tùy thuộc sự chấp thuận của Ngân Hàng)</b>		
Đăng ký lệnh thanh toán định kỳ	210.000 VND	
Tu chính	210.000 VND	
<b>A2. PHÍ DUY TRÌ TÀI KHOẢN</b>		
<b>Yêu cầu về Số dư Tài khoản</b>		
	<b>Số Dư Trung Bình Tối Thiểu</b>	<b>Số Dư Bắt Buộc Để Duy Trì Tài Khoản</b>
USD	10.000 USD	25 USD
JPY	1.000.000 JPY	2.750 JPY
VND	100.000.000 VND	575.000 VND
<b>Phí Duy trì Tài khoản Hàng Tháng</b>		
USD		25 USD
JPY		2.750 JPY
VND		575.000 VND
<b>B. CHUYỂN TIỀN ĐẾN</b>		
<b>B1. CHUYỂN TIỀN ĐẾN TRONG NƯỚC</b> (Từ ngân hàng ở Việt Nam) Miễn phí		
<b>B2. CHUYỂN TIỀN ĐẾN TỪ NƯỚC NGOÀI</b> (Phí thu bằng Đô la Mỹ hoặc các đồng tiền khác tương đương)		
<i>(Phí tính cho người gửi/ người thụ hưởng)</i>		

Từ hệ thống ngân hàng MUFG	0,1% (tối thiểu 10 USD, tối đa 200 USD)
<b>LOẠI GIAO DỊCH</b>	
Từ ngoài hệ thống ngân hàng MUFG	0,2% (tối thiểu 10 USD, tối đa 200 USD)
Ghi có vào tài khoản tại ngân hàng khác	Áp dụng thêm phí chuyển tiền trong nước
Phí ngân hàng đại lý	Thu theo phí phát sinh thực tế
Hủy lệnh/ Ngưng lệnh chuyển tiền	20 USD+ Điện phí 20 USD
Tra soát lệnh chuyển tiền	10 USD/ tra soát + Điện phí 10 USD/tra soát

## C. CHUYỂN TIỀN ĐI

### C1. CHUYỂN TIỀN ĐI TRONG NƯỚC (Phí thu bằng tiền đồng Việt Nam)

<b>Chuyển tiền thường</b>		
<b>Hình thức gửi lệnh</b>	<b>Số tiền chuyển</b>	
Lệnh giấy	Giá trị thấp < 500.000.000 VND	500.000 VND
Lệnh giấy	Giá trị cao >= 500.000.000 VND	0,2% (tối đa 1.500.000 VND)
Thông qua GCMS+	Giá trị thấp < 500.000.000 VND	25.000 VND
Thông qua GCMS+	Giá trị cao >= 500.000.000 VND	0,12% (tối đa 900.000 VND)
<b>Chuyển đến hệ thống ngân hàng MUFG</b>		Miễn phí
<b>Chuyển tiền đặc biệt</b>		
<b>Thanh toán 2D Barcode</b>	Phí áp dụng như lệnh chuyển tiền thường - Lệnh giấy	
<b>Thanh toán thông qua Thanh Toán Bảo Mật và Thanh Toán Nhóm</b>		
Thanh toán lương / thanh toán bảo mật	18.000 VND/ giao dịch	
Thanh toán nhóm	48.000 VND / giao dịch	
<b>Thanh toán lương đến TK người hưởng tại Vietinbank</b>	4.000 VND / giao dịch	
<b>Thanh toán thuế</b>		
Lệnh chuyển tiền thuế bằng giấy	Phí áp dụng như lệnh chuyển tiền thường - Lệnh Giấy	
Lệnh chuyển tiền thuế thực hiện như một chuyển tiền thường thông qua GCMS+ với thông tin về thuế được nhập ở phần Lưu ý	Phí áp dụng như lệnh chuyển tiền thường - Lệnh Giấy	
Lệnh chuyển tiền thuế được nộp thông qua GCMS+ nhưng giấy nộp tiền NSNN được nộp bằng giấy	Phí áp dụng như lệnh chuyển tiền thường - Lệnh Giấy	
Thuế điện tử	Phí áp dụng như lệnh chuyển tiền thường - Thông qua GCMS+	
<b>Các phí khác</b>		
Hủy lệnh / Ngưng lệnh chuyển tiền	200.000 VND	
Chuyển lại lệnh bị hoàn trả	Phí áp dụng như lệnh chuyển tiền mới	
Sửa đổi thông tin trong lệnh chuyển tiền đã phát đi	40.000 VND	

### C2. CHUYỂN TIỀN ĐI NƯỚC NGOÀI (Phí thu bằng Đô la Mỹ hoặc các đồng tiền khác tương đương)

Lệnh giấy	0,2% (tối thiểu 35 USD, tối đa 200 USD) + Điện phí 20 USD
Thông qua GCMS+	0,1% (tối thiểu 10 USD, tối đa 100 USD) + Điện phí 20 USD
Phí ngân hàng đại lý	Thu theo phí phát sinh thực tế (không chịu thuế GTGT)
Hủy lệnh / Ngưng lệnh chuyển tiền	30 USD + Điện phí 10 USD + Phí ngân hàng trung gian (nếu có)
Tu chính	10 USD + Điện phí 10 USD

## D. CÁC DỊCH VỤ QUẢN LÝ DÒNG TIỀN

<b>Dịch vụ Ngân hàng Điện tử (Internet Banking) (GCMS Plus/GCMS+)</b>	
Phí lắp đặt	Miễn phí
Phí sử dụng hàng tháng	300.000 VND/ tháng
<b>Dịch vụ Truyền số dư TK thông qua điện MT940</b>	1.050.000 VND/ month
<b>Dịch vụ Tài khoản ("TK") Áo</b>	
Phí đăng ký	2.100.000 VND
Phí bảo trì (hàng tháng)	1.050.000 VND
Phí sử dụng (hàng tháng)	2.100.000 VND/ mỗi TK gốc hoặc 10.500 VND/ mỗi TK ảo